

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/2013/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 75/2007/NQ-HĐND,
ngày 19/7/2007 của HĐND tỉnh Phú Yên về quy định danh mục, mức thu,
quản lý, sử dụng tiền phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, ngày 21/03/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Sau khi xem xét Tờ trình số 65/TTr-UBND, ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, quy định mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/2007/NQ-HĐND, ngày 19/7/2007 của HĐND tỉnh quy định danh mục, mức thu, quản lý, sử dụng tiền phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong “Danh mục, mức thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên” kèm theo Nghị quyết số 75/2007/NQ-HĐND với các nội dung kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

DANH MỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG “DANH MỤC, MỨC
THU PHÍ, LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN”

*(Kèm theo Nghị quyết số 92/2013/NQ-HĐND, ngày 12/12/2013
của HĐND tỉnh Phú Yên)*

I. Sửa đổi, bổ sung mục 4 như sau:

4. Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

STT	Tên danh mục lệ phí, phí	ĐVT	Mức thu
	Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
1	Thăm định lần đầu	đ/báo cáo	5.000.000
2	Thăm định bổ sung (50% mức thu thăm định lần đầu)	đ/báo cáo	2.500.000

II. Sửa đổi, bổ sung mục 5 như sau:

5. Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước:

STT	Tên danh mục lệ phí, phí	ĐVT	Mức thu
	Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước		
1	Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất		
	- Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới đất 200m ³ /ngày đêm	đ/đề án	200.000
	- Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 500m ³ /ngày đêm	đ/đề án, báo cáo	550.000
	- Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500m ³ đến dưới 1.000m ³ /ngày đêm	đ/đề án, báo cáo	1.300.000
	- Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm	đ/đề án, báo cáo	2.500.000
2	Phí thăm định đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt		
	- Đối với đề án báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước 0,1m ³ /giây hoặc để phát điện với công suất dưới 50KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước với 500m ³ /ngày đêm	đ/đề án, báo cáo	300.000

	- Đối với đề án báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước từ 0,1m ³ /giây đến dưới 0,5m ³ /giây hoặc để phát điện với công suất dưới 50KW đến dưới 200KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 500m ³ đến dưới 3.000m ³	đ/đề án, báo cáo	900.000
	- Đối với đề án báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước từ 0,5m ³ /giây đến dưới 1m ³ /giây hoặc để phát điện với công suất từ 200KW đến dưới 1.000KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 3.000m ³ đến dưới 20.000m ³ /ngày đêm	đ/đề án, báo cáo	2.200.000
	- Đối với đề án báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với từ 1m ³ /giây đến dưới 2m ³ /giây hoặc để phát điện với công suất từ 1000KW đến dưới 2.000KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 20.000m ³ đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm	đ/đề án, báo cáo	4.200.000
3	Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan dưới đất	đ/báo cáo	700.000
4	Phí thăm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước		
	- Đề án, báo cáo có lưu lượng 100m ³ /ngày đêm	đ/đề án	300.000
	- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100m ³ đến dưới 500m ³ /ngày đêm	đ/đề án	900.000
	- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500m ³ đến dưới 2000m ³ /ngày đêm	đ/đề án	2.200.000
	- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2000m ³ đến dưới 5000m ³ /ngày đêm	đ/đề án	4.200.000

III. Sửa đổi, bổ sung mục 8:

8. Lệ phí hộ tịch:

STT	Tên danh mục lệ phí, phí	ĐVT	Mức thu
I	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND xã, phường, thị trấn:		
1	Đăng ký khai sinh	Đồng/ trường hợp	Miễn thu
2	Đăng ký khai sinh quá hạn	Đồng/ trường hợp	Miễn thu

3	Đăng ký lại việc khai sinh	Đồng/ trường hợp	Miễn thu
4	Đăng ký kết hôn	Đồng/ trường hợp	Miễn thu
5	Đăng ký lại việc kết hôn	Đồng/ trường hợp	Miễn thu
6	Đăng ký việc nuôi con nuôi	Đồng/ trường hợp	400.000
7	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	Đồng/ trường hợp	Bãi bỏ
8	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc	Đồng/ 1 bản sao	Bãi bỏ
9	Thay đổi, cải cách hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	Đồng/ trường hợp	- Sửa đổi tên công việc thực hiện thành: “ <i>Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi</i> ”. - Miễn thu.
10	Ghi vào sổ hộ tịch các việc về ly hôn, xác định cha, mẹ, con, thay đổi quốc tịch, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, hủy hôn nhân trái pháp luật, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên và những sự kiện khác do pháp luật quy định	Đồng/ trường hợp	- Thay bằng cụm từ mới: “Ghi vào sổ hộ tịch các thay đổi hộ tịch khác”. - Giữ nguyên mức thu.
11	Ghi vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp	Đồng/ trường hợp	Bãi bỏ
II	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện:		
1	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	Đồng/ trường hợp	Không thu
2	Thay đổi cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch.	Đồng/ trường hợp	- Sửa đổi tên công việc thực hiện thành: “ <i>Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ</i> ”

			<i>tuổi</i> ”. - Giữ nguyên mức thu.
III	Mức thu áp dụng đối với việc thực hiện đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp:		
1	Đăng ký lại việc kết hôn	Đồng/ trường hợp	500.000
2	Đăng ký việc nuôi con nuôi	Đồng/ trường hợp	Không thu
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	Đồng/ trường hợp	Không thu
4	Đăng ký nhận con ngoài giá thú	Đồng/ trường hợp	- Sửa đổi tên công việc thực hiện thành “ <i>Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con</i> ”. - Giữ nguyên mức thu.
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc	Đồng/ trường hợp	- Sửa tên công việc thực hiện thành “ <i>Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch</i> ”. - Giữ nguyên mức thu.
6	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc	Đồng/ 1 bản sao	3.000
7	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh	Đồng/ trường hợp	50.000
8	Ghi vào sổ hộ tịch các việc về ly hôn, xác định cha, mẹ, con, thay đổi quốc tịch, mất tịch, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, hủy hôn nhân trái pháp luật, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên và những sự kiện khác do pháp luật quy định	Đồng/ trường hợp	- Sửa đổi tên công việc thực hiện thành “ <i>Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài</i> ”. - Mức thu: 50.000đ/trường hợp.
9	Ghi vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp	Đồng/ trường hợp	- Sửa đổi tên thành: “ <i>Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài</i> ”. - Giữ nguyên mức thu.